BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Thị trường chứng khoán - 1104017
Mã lớp học phần: 110401701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Bùi Huy Tùng
Ngày thi: 29/09/2015 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: A1.12**

Giám thị 1: Ng - Hoa Ký tên:
Giám thị 2: Tạ - Lê Vân Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310110086	Nguyễn Thị Cẩm	**Thịnh**	11/02/1995			5,7	Năm bảy	C15KT	
2	1310110044	Dụng Thị Kim	**Thoa**	08/06/1994			5,3	Năm ba	C15KT	
3	1310110080	Phạm Thị Kiều	**Thoa**	20/08/1995			5,9	Năm chín	C15KT	
4	1310110065	Nguyễn Huỳnh Thanh	**Thùy**	25/01/1995			3,6	Ba sáu	C15KT	
5	1310110074	Trần Thị Phương	**Thúy**	20/06/1995			5,4	Năm tư	C15KT	
6	1210130252	Nguyễn Thụ Minh	**Thương**	11/09/1994			4,1	Bốn một	C14KT3	0017359 Nợ HP
7	1310110097	Nguyễn Ngọc	**Tốt**	10/08/1995			4,0	Bốn chẵn	C15KT	
8	1310110052	Phan Thị Thùy	**Trang**	03/12/1994			3,7	Ba bảy	C15KT	
9	1310110029	Trần Thu	**Trang**	04/05/1994			4,7	Bốn bảy	C15KT	
10	1310110006	Nguyễn Thị Anh	**Trà**	28/05/1995			5,0	Năm chẵn	C15KT	
11	1310110050	Nguyễn Mai	**Trâm**	31/01/1995			8,0	Tám chẵn	C15KT	
12	1210130279	Bùi Nguyễn Mỹ	**Trân**	07/01/1994			3,6	Ba Sáu	C14KT3	
13	1210130281	Nguyễn Thị Huyền	**Trân**	28/05/1994			4,0	Bốn chẵn	C14KT3	
14	1210130297	Võ Thị Yến	**Trinh**	03/08/1994					C14KT3	Nợ HP
15	1310110024	Nguyễn Thị Cẩm	**Trúc**	03/10/1995			7,5	Bảy rưỡi	C15KT	
16	1210130305	Cao Minh	**Tuấn**	23/12/1993			4,2	Bốn hai	C14KT3	0017358
17	1310110103	Nguyễn Thị Bích	**Tuyền**	05/12/1995			5,4	Năm tư	C15KT	
18	1310110035	Võ Thị Thanh	**Tuyền**	01/07/1995			4,4	Bốn bốn	C15KT	
19	1310110017	Trang Thị Thanh	**Tuyết**	18/02/1995			4,1	Bốn một	C15KT	
20	1310110049	Đỗ Thị Thu	**Tùng**	21/04/1995			5,1	Năm một	C15KT	
21	1310110067	Bùi Thị Cẩm	**Tú**	20/12/1995			4,0	Bốn chẵn	C15KT	
22	1310110018	Dương Ngọc Cẩm	**Tú**	11/10/1995			3,9	Ba chín	C15KT	
23	1210130319	Nguyễn Thị	**Vân**	18/04/1994					C14KT3	Nợ HP
24	1310110009	Nguyễn Thị Bích	**Vân**	21/10/1993			4,9	Bốn chín	C15KT	
25	1310110092	Nguyễn Thị Hồng	**Vân**	09/05/1995			4,5	Bốn rưỡi	C15KT	
26	1310110040	Nguyễn Thị Tình	**Vân**	12/02/1995			3,4	Ba tư	C15KT	
27	1310110101	Dương Mai	**Vy**	20/04/1995			4,6	Bốn sáu	C15KT	
28	1310110060	Huỳnh Thị Thảo	**Vy**	30/04/1995			4,6	Bốn sáu	C15KT	
29	1310110110	Đoàn Thị	**Xuân**	10/2/1993			5,8	Năm tám	C15KT	
30	1210130340	Nguyễn Thị Như	**Ý**	19/06/1993			8,3	Tám ba	C15KT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

AN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
ỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Thị trường chứng khoán - 1104017
Mã lớp học phần: 110401701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Bùi Huy Tùng
Ngày thi: 29/09/2015 **Giờ thi: 15h15** **Phòng thi: A1.11**

Giám thị 1: C. Minh Ký tên:
Giám thị 2: P. Thuận Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310110058	Lê Trần Trâm	Anh	22/02/1995			2,5	Hai rưỡi	C15KT	
2	1310110001	Nguyễn Hoàng Hùng	Anh	14/06/1995			2,0	Hai chẵn	C15KT	
3	1310110090	Nguyễn Thị Bảo	Anh	07/11/1994			3,3	Ba ba	C15KT	
4	1310110005	Nguyễn Thị Trang	Anh	08/08/1995			2,8	Hai tám	C15KT	
5	1210130013	Đoàn Tuấn	Bảo	18/12/1994			1,5	Một rưỡi	C14KT1	
6	1110090023	Nguyễn Thiên	Bình	01/12/1991			3,1	Ba một	C13QT1	
7	1310110106	Mai Thị Kim	Chi	01/06/1995			3,8	Ba tám	C15KT	
8	1110090033	Nguyễn An Thanh	Cường	10/06/1993			3,8	Ba tám	C13QT1	Nợ HP
9	1310110043	Huỳnh Thị Ngọc	Diễm	23/10/1995			3,5	Ba rưỡi	C15KT	
10	1310110087	Nguyễn Hồng	Diễm	31/10/1994			5,3	Năm ba	C15KT	
11	1310110114	Ngô Thị Xuân	Dung	17/04/1994			3,4	Ba tư	C15KT	
12	1310110100	Thái Thị Phương	Dung	16/01/1995			4,3	Bốn ba	C15KT	
13	1310110011	Phan Thị Huỳnh	Duyên	07/03/1994			7,0	Bảy chẵn	C15KT	
14	1310110093	Võ Thị Thúy	Đan	20/08/1995			5,7	Năm bảy	C15KT	
15	1210130144	Võ Trang	Đài	02/06/1994			5,9	Năm chín	C14KT2	Nợ HP
16	1310110088	Ngô Thị Thu	Hà	25/10/1995			6,6	Sáu sáu	C15KT	
17	1310110096	Hồ Thị Thu	Hiền	06/03/1994			8,3	Tám ba	C15KT	
18	1310110068	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/07/1995			4,3	Bốn ba	C15KT	
19	1310110104	Trịnh Thị Cẩm	Hồng	12/02/1994			2,2	Hai hai	C15KT	
20	1310110115	Nguyễn Thị Diễm	Hương	02/06/1995			8,9	Tám chín	C15KT	
21	1310110061	Nguyễn Hoàng Mộng	Kiều	17/12/1995			7,2	Bảy hai	C15KT	
22	1310110108	Đặng Thị Kiều	Lan	04/01/1995			3,5	Ba rưỡi	C15KT	
23	1310110098	Nguyễn Thị Kim	Liên	02/01/1995			4,0	Bốn chẵn	C15KT	
24	1310110118	Lê Thị Hoàng	Linh	18/07/1994			3,4	Ba tư	C15KT	
25	1310110007	Trần Mai Trúc	Linh	18/09/1995			4,0	Bốn chẵn	C15KT	
26	1310110038	Ngô Lệ Mỹ	Ly	10/10/1995			4,2	Bốn hai	C15KT	
27	1210130135	Dương Thanh	Mai	06/11/1994			1,3	Một ba	C14KT2	Nợ HP
28	1310110076	Nguyễn Thị Kiều	Mi	23/02/1995			5,7	Năm bảy	C15KT	
29	1310110023	Võ Thị	Mỹ	17/06/1994			7,8	Bảy tám	C15KT	
30	1310110042	Lê Thị Kim	Ngân	06/09/1995			2,1	Hai một	C15KT	
31	1310110047	Phạm Thị Ngọc	Ngân	20/05/1995			5,0	Năm chẵn	C15KT	
32	1310110048	Võ Kim	Ngân	13/06/1995			4,7	Bốn bảy	C15KT	

		Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	0054	Phạm Nguyễn Phương	Nguyên	03/01/1994			3,3	Ba ba	C15KT	Nợ HP K
	0110012	Dương Đoàn Thành	Nhân	03/11/1995			3,0	Ba Chấm	C15KT	
	1310110004	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05/06/1994			3,3	Ba ba	C15KT	
36	1310110075	Đỗ Thị Huỳnh	Như	28/07/1995			4,8	Bốn tám	C15KT	
37	1210130169	Lại Thị Hồng	Như	20/08/1993			3,9	Ba chín	C15KT	
38	1310110059	Đặng Thị	Oanh	19/04/1995			3,6	Ba sáu	C15KT	
39	1310110003	Trần Thanh	Phong	04/07/1995			4,9	Bốn chín	C15KT	
40	1310110064	Trần Nguyễn Thị Minh	Phụng	11/06/1993			7,8	Bảy tám	C15KT	
41	1310110037	Tăng Thị Minh	Phương	08/12/1986			8,0	Tám chẵn	C15KT	
42	1310110010	Trương Thị Hồng	Phương	24/02/1995			2,9	Hai chín	C15KT	
43	1310110077	Võ Thị Hà	Phương	14/04/1994			1,8	Một tám	C15KT	
44	1310110102	Trương Thị Bích	Phượng	20/10/1995			8,2	Tám hai	C15KT	
45	1310110033	Huỳnh Duy	Quang	20/07/1993			7,2	Bảy hai	C15KT	
46	1310110028	Lê Thị Thanh	Tâm	14/08/1995			6,0	Sáu chẵn	C15KT	
47	1110090306	Trần Hữu	Tâm	08/03/1993			4,0	Bốn chẵn	C13QT3	
48	1310110046	Ngô Thanh	Thảo	22/05/1994			5,2	Năm hai	C15KT	
49	1310110021	Võ Ngọc Thu	Thảo	12/05/1995			4,8	Bốn tám	C15KT	
50	1310110022	Nguyễn Thị Thanh	Thi	27/09/1995			5,0	Năm không	C15KT	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 50 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 50 / 50 .

Số sinh viên đạt: 28/50 **Tỷ lệ đạt:** 56 **%**

Ngày 15 *tháng* 10 *năm* 2015
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

Ngày 15 *tháng* 10 *năm* 2015
GIÁO VIÊN CHẤM THI